

BÁO CÁO
TỔNG KẾT NĂM HỌC 2024-2025 VÀ TRIỂN KHAI
KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2025-2026

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NĂM HỌC 2024-2025

Năm học 2024-2025 thực hiện từ 01/8/2024 đến 31/7/2025, công tác tổ chức, tuyển sinh đào tạo của nhà trường đã có những chuyển biến tích cực, đặc biệt là cơ cấu tuyển sinh có sự chuyển hướng từ ngắn hạn sang dài hạn như hệ Cao đẳng tăng mạnh từ 30 lên 94 sinh viên, hệ Trung cấp và Sơ cấp tăng trưởng nhẹ. Đặc biệt, lần đầu tiên, cũng là trường đầu tiên trong cả nước tuyển sinh 175 học viên đào tạo về đường sắt điện khí hóa, đường sắt tốc độ cao.

Về chất lượng đào tạo và kết quả học tập, rèn luyện: Chất lượng học tập: Tỷ lệ HSSV chính quy đạt loại Khá, Giỏi duy trì ổn định, đạt mức 52,34%. Tỷ lệ tốt nghiệp vẫn duy trì ở mức cao trên 98%, tỷ lệ tốt nghiệp loại Khá, Giỏi đạt 62,07%. Kết quả rèn luyện có sự cải thiện tích cực. Tỷ lệ HSSV rèn luyện từ loại Khá trở lên tăng nhẹ, tỷ lệ HSSV bị kỷ luật giảm từ 2,81% xuống còn 2,41%

Về công tác phát triển Đội ngũ và Chế độ đãi ngộ: Nhà trường đã thực hiện tinh giản tự nhiên, tổng số cán bộ, giảng viên, nhân viên từ 173 xuống 165 người. Đồng thời, bổ sung nhân sự chất lượng là 01 tiến sỹ chuyên ngành đường sắt;

Thu nhập là một điểm sáng nổi bật. Thu nhập bình quân của giảng viên và nhân viên đều tăng lên đáng kể ở cả ba khu vực, cho thấy sự quan tâm của nhà trường đến đời sống người lao động, trong đó:

+ Phân hiệu Đà Nẵng: Tăng mạnh nhất, thu nhập giảng viên tăng 21,7% và nhân viên tăng 26,4%.

+ Trụ sở chính Hà Nội: Tăng trưởng tốt, thu nhập giảng viên tăng 15,6% (tương đương 2,2 triệu đồng/tháng), nhân viên tăng 8,2%.

+ Phân hiệu Phía Nam: Tăng nhẹ hơn nhưng vẫn tích cực, thu nhập giảng viên tăng 2,4% và nhân viên tăng 3,2%

Về công tác nghiên cứu Khoa học và Đầu tư Cơ sở vật chất :

+ Nghiên cứu khoa học: Duy trì ổn định với việc thực hiện 02 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp Tổng công ty và có 01 bài báo được đăng tải trong cả hai năm học;

+ Đầu tư cơ sở vật chất: Tổng kinh phí đầu tư và sửa chữa ổn định so với năm học 2023-2024;

Tuy nhiên, nhà trường vẫn còn tồn tại và thách thức:

Những nghề đào tạo cho xã hội tiếp tục không tuyển sinh được hoặc tuyển sinh được rất ít do người học có nhiều sự lựa chọn việc làm mà không cần qua đào tạo hoặc thời gian đào tạo rất ngắn lại có thu nhập cao như: đi xuất khẩu lao động, làm việc tại các khu công nghiệp...

Do khó khăn về kinh phí, trong năm học thiết bị giảng dạy được đầu tư còn thiếu so với nhu cầu, thiết bị hiện có lạc hậu..., bộ máy tổ chức của trường chưa thực sự tinh gọn, số lao động khôi phục vụ vẫn cao (chỗ thừa, chỗ thiếu cục bộ), khó tuyển dụng chuyên gia và giảng viên giỏi về công tác tại trường;

Tổng hợp lại, năm học 2024-2025 với tinh thần quyết tâm cao, sự đoàn kết của toàn thể CB, GV, NV nhà trường và đặc biệt là sự quan tâm hỗ trợ, chỉ đạo của lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN, Bộ xây dựng và các cơ quan Trung ương; sự phối kết hợp của các đơn vị trong và ngoài ngành... Trường đã thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình đó là đào tạo cung cấp cho ngành đường sắt và xã hội lực lượng lao động kỹ thuật có chất lượng cao, tâm huyết với nghề, luôn nêu cao tinh thần thái độ và đạo đức nghề nghiệp... Đặc biệt, là tiên phong liên kết đào tạo đường sắt điện khí hóa, đường sắt tốc độ cao nhằm chuẩn bị tốt nguồn nhân lực cho các tuyến đường sắt hiện đại được khởi công trong thời gian tới.

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025:

1.1. Tổng số học sinh, sinh viên, học viên có mặt trong năm học 2024-2025 (Bao gồm cả số học sinh, sinh viên và học viên (gọi chung là học viên) các năm trước chuyển qua và số tuyển mới trong năm 2024 và 2025 (từ 01/8/2024 – 31/7/2025)):

Năm học 2024-2025 từ 01/8/2024 đến hết ngày 31/7/2025 toàn Trường đã tổ chức tuyển sinh, đào tạo được **15.409** HV, HS, SV số lượng cụ thể như sau:

Trình độ đào tạo	Các khu vực			Toàn trường
	Hà Nội	Đà Nẵng	Phía Nam	
1. Cao đẳng	18	94	36	148
2. Trung cấp	238	73	138	449
3. Sơ cấp	505	309	277	1091
4. Bồi dưỡng nghiệp vụ	1269	363	368	2000
- Cấp chứng chỉ đào tạo	119	30	51	200
- Cấp chứng nhận	540	189	262	991
- Bồi dưỡng nghiệp vụ khác (Bao gồm các lớp không cấp chứng nhận, các lớp công tác Đảng)	610	144	55	809
5. Bồi dưỡng đường sắt tốc độ cao	72	77	26	175
6. An toàn vệ sinh lao động	4645	2186	2566	9397
7. Liên kết đào tạo	242	37	161	440

Trình độ đào tạo	Các khu vực			Toàn trường
	Hà Nội	Đà Nẵng	Phía Nam	
- Thạc sỹ	48	0	0	48
- Đại học	194	37	161	392
- Liên kết khác	0	0	0	0
8. Lái xe ô tô, lái xe nâng	15	0	1694	1709
- Lái xe ô tô	0	0	1688	1688
- Lái xe nâng hàng	15	0	6	21
Tổng số	7078	3238	5293	15,409

Trong đó số tuyển sinh mới tính từ ngày 01/8/2024 đến hết 31/7/2025) tại các cơ sở đào tạo của trường như sau:

Trình độ đào tạo	Các khu vực			Toàn trường
	Hà Nội	Đà Nẵng	Phía Nam	
1. Cao đẳng	0	71	23	94
2. Trung cấp	101	14	92	207
3. Sơ cấp	402	250	174	826
4. Bồi dưỡng nghiệp vụ	1203	243	339	1785
- Cấp chứng chỉ đào tạo	53	30	22	105
- Cấp chứng nhận	540	189	262	991
- Bồi dưỡng nghiệp vụ khác (Bao gồm các lớp không cấp chứng nhận, các lớp công tác Đảng)	610	24	55	689
5. Bồi dưỡng Đường sắt tốc độ cao	72	77	26	175
6. An toàn vệ sinh lao động	4645	2186	2566	9397
7. Liên kết đào tạo	85	37	0	122
- Thạc sỹ	0		0	0
- Đại học	85	37	0	122
- Liên kết khác	0		0	0
8. Lái xe ô tô, lái xe nâng	15	0	1225	1240
- Lái xe ô tô	0	0	1225	1225
- Lái xe nâng hàng	15	0	0	15
Tổng số	6,523.0	2,878.0	4,445.0	13,846.0

1.2. Khối lượng giờ giảng thực hiện năm học 2024-2025 (Tính từ 01/8/2024 đến hết ngày 31/7/2025)

Tổng khối lượng giờ giảng của giảng viên cả ba khu vực thực hiện trong năm học 2024-2025 (bao gồm 2726.6 giờ giảng năm học trước chuyển qua) là: 50375,23/32277,10 giờ giảng, đạt 156% trong đó:

TT	Giờ giảng	Các khu vực			Toàn trường
		Hà Nội	PH Đà Nẵng	PH Phía Nam	
	Năm học 2024-2025				
1	Tổng số (giờ)	28176,90	9230,33	12968,00	50375,23
2	Tiêu chuẩn (giờ)	18635,10	5044,00	8598,00	32277,10
3	Tỉ lệ đạt (%)	151%	183%	151%	156%

1.3. Kết quả công tác đào tạo:

a) Xếp loại kết quả học tập năm học 2024-2025:

Khu vực	HSSV chính quy	Xếp loại kết quả học tập năm học 2024-2025											
		XS	Tỷ lệ %	Giỏi	Tỷ lệ %	Khá	Tỷ lệ %	TB Khá	Tỷ lệ %	TB	Tỷ lệ %	Yếu	Tỷ lệ %
Hà Nội	720	0	0.00	67	4.42	321	21.16	198	13.05	130	8.57	4	0.26
Đà Nẵng	424	0	0.00	73	4.81	145	9.56	126	8.31	75	4.94	5	0.33
Phía Nam	373	5	0.33	57	3.76	126	8.31	97	6.39	84	5.54	4	0.26
Tổng	1517	5	0.33	197	12.99	592	39.02	421	27.75	289	19.05	13	0.86

Tỷ lệ kết quả học tập đạt loại khá, giỏi của HSSV trong năm học 2024-2025 là 794/1517 HSSV đạt 52,34% (vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra là từ 30% khá, giỏi trở lên); Tỷ lệ yếu kém là 13/1517 HSSV chiếm 0,85 % (Đạt chỉ tiêu dưới 5%)

b) Kết quả tốt nghiệp trong năm 2024-2025:

Trình độ	HSSV tốt nghiệp	Xếp loại kết quả Tốt nghiệp năm học 2024- 2025										
		XS	Tỷ lệ %	Giỏi	Tỷ lệ %	Khá	Tỷ lệ %	TB Khá	Tỷ lệ %	TB	Tỷ lệ %	
Cao đẳng	27	0	0.00	8	0.88	19	2.09				0	0
Trung cấp	146	0	0.00	38	4.19	54	5.95				54	5.95
Sơ cấp	734	5	0.55	103	11.36	336	37.05	238	26.24		52	5.73
Tổng	907	5	0.55	149	16.43	409	45.09	238	26.24		106	11.69

13 HS,SV chưa tốt nghiệp

Tổng số học sinh, sinh viên chính quy tốt nghiệp trong năm học 2024-2025 là 907/920 HSSV đạt 98.58% (vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra là trên 95%)

Tỷ lệ tốt nghiệp trong năm học đạt loại khá, giỏi trở lên là: 563/907 HSSV đạt 62,07% (vượt chỉ tiêu kế hoạch từ 30% khá, giỏi trở lên)

1.4. Kết quả rèn luyện học sinh, sinh viên:

a) Kết quả rèn luyện

Kết quả rèn luyện học sinh sinh viên năm học 2024-2025

Khu vực	Kết quả rèn luyện									
	Xuất sắc	Tỷ lệ %	Tốt	Tỷ lệ %	Khá	Tỷ lệ %	TB	Tỷ lệ %	Yếu	Tỷ lệ %
Hà Nội	0	0,00%	26	27,70%	64	68,10%	4	4,26%	0	
Phía Nam	2	4,35%	27	58,70%	15	32,60%	2	4,34%	0	
Đà Nẵng	3	13,04%	12	52,17%	3	13,04%	5	21,73%	0	
Tổng	5	3,07%	65	39,88%	82	50,31%	11	6,75%	0	0

b) Kết quả khen thưởng:

Số tiền (đồng)

Khu vực	Khen thưởng				Học bổng khuyến khích học tập	
	Tập thể		Cá nhân HSSV		Số HSSV	Số tiền
	Lượt	Số tiền	Lượt	Số tiền		
Hà Nội	8	800.000đ	0		04	13.520.000đ
Phía Nam	0		0		04	7.000.000đ
Đà Nẵng	0		0		02	27.500.000đ
Tổng		800.000đ	0		10	48.020.000đ

c) Kỷ luật:

Khu vực	Số HS SV	Kết quả kỷ luật									
		Khiển trách	Tỷ lệ %	Cảnh cáo	Tỷ lệ %	Buộc thôi học	Tỷ lệ %	Xóa tên	Tỷ lệ %	Tổng cộng	Tỷ lệ %
Hà Nội	407	08	1,96	03	0,74	01	0,24	01		12	2,95
Phía Nam	86	0		0		02	2,32	14		02	2,32
Đà Nẵng	88	0		0		0		14		0	0,0
Toàn Trường	581	08	1,38	03	0,52	03	0,52	29		14	2,41

(Tỷ lệ % tính cho toàn trường)

Đạt chỉ tiêu kỷ luật dưới 5%

1.5. Xây dựng, chỉnh lý chương trình, giáo trình đào tạo

Năm học 2024-2025, toàn Trường tập trung biên soạn, chỉnh lý các chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy các chuyên ngành đáp ứng nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động cũng như người học. Các khoa chủ động cập nhật, bổ sung nội dung,

kiến thức mới vào tài liệu giảng dạy và học tập để giảng dạy học sinh, sinh viên trong trường. Kết quả đạt được:

Nội dung	Chương trình đào tạo				Giáo trình
	CD	TC	SC	BDNV	
Biên soạn mới	2			3	9
Chỉnh lý	1			3	5
Tổng	3			6	14

1.6. Công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế:

Trong năm học, toàn trường tập trung triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ gồm có 02 đề tài cấp Bộ GTVT và 01 đề tài cấp Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và 01 bài báo đăng trên tạp chí Cầu đường. Đồng thời, năm 2025 đang tiếp tục đăng ký các đề tài KHCN cấp ngành, cấp bộ có tính ứng dụng cao.

Bảng thống kê chi tiết các đề tài nghiên cứu khoa học, năm học 2024-2025

TT	Tên đề tài	Kinh phí (Triệu VNĐ)	Chủ nhiệm đề tài	Cấp
1	TCVN - Tà vẹt sắt khổ đường 1000 mm, khổ đường 1435 mm, khổ đường lồng 1000 mm và 1435 mm - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật	150	Chủ trì biên soạn: TS. Trương Trọng Vương	Cấp Bộ
2	TCVN - Tà vẹt sắt khổ đường 1000 mm, khổ đường 1435 mm, khổ đường lồng 1000 mm và 1435 mm - Phần 2: Phương pháp thử	140	Chủ trì biên soạn: TS. Trương Trọng Vương	Cấp Bộ
3	Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo mạch đèn biểu thị tàu chiếm dụng trong ga sử dụng mạch điện đường ray	550	Chủ nhiệm đề tài: Ths. Hoàng Huy Tường	Tổng công ty ĐSVN

1.7. Đào tạo đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên:

Trong năm học 2024-2025 toàn trường có 81 lượt người được học bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tương ứng với 68 người. Trong đó:

- Học tập trong năm học 2024-2025

TT	Nội dung	Số lượt	Số người
1	Đào tạo Bồi dưỡng trong nước	50	38
2	Đào tạo Bồi dưỡng ngoài nước	21	20
3	Đi thực tế hiện trường	2	2

TT	Nội dung	Số lượt	Số người
4	Học tập nâng cao trình độ:		
-	Tiến sỹ	-	-
-	Thạc sỹ	6	6
-	Đại học, văn bằng 2	2	2
-	Trung cấp lý luận chính trị		
5	Tổng số	81	68

- Số người tốt nghiệp trong năm học 2024-2025, tổng số:

TT	Nội dung	Số người TN trong năm học 2024-2025	Tổng số CB,GV có mặt tính đến 31/7/2025
1	Tiến sỹ		4
2	Thạc sỹ		64
3	Đại học, văn bằng 2		65
4	Tổng số	0	133

- Số người bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại trong năm học 2024-2025

Năm học 2024-2025 bổ nhiệm 18 cán bộ, trong đó:

+ Cán bộ quản lý cấp TCT ĐSVN: tiếp nhận bổ nhiệm 01 Phó hiệu trưởng và bổ nhiệm lại 01 Phó hiệu trưởng.

+ Cán bộ cấp Trường:

Bổ nhiệm mới: 04 cán bộ, cụ thể: 01 Trưởng khoa Đầu Máy toa xe; 01 Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lái xe; 01 Trưởng khoa Công trình - Cơ khí;

Bổ nhiệm lại 12 cán bộ, cụ thể: 01 Phó trưởng phòng Đào tạo; 01 Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán; 01 Trưởng phòng Kiểm định chất lượng Đào tạo; 01 Trưởng khoa TTTH - Điện và 07 cán bộ tại 02 Phân hiệu (01 Phó trưởng khoa CT-CK; 02 Phó trưởng khoa VT-KT; 01 Phó trưởng khoa TTTH-Đ; 01 Phó trưởng khoa Cơ bản; 01 Phó trưởng phòng TCHC; 01 Phó trưởng phòng TCKT).

Quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ Trưởng phòng Công tác HSSV đối với 01 cán bộ.

Điều động, bổ nhiệm 01 cán bộ giữ chức trưởng phòng Đào tạo.

1.8. Xây dựng cơ sở vật chất và duy tu sửa chữa năm học 2024-2025:

Bảng kết quả đầu tư xây dựng, duy tu sửa chữa và tăng cường cơ sở vật chất năm 2024 + 2025

TT	Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
A.	Vốn đầu tư phát triển năm 2024 + 2025 của công ty mẹ-TCT ĐSVN	3.450.000.000	Năm 2024 giải ngân 1.276.000.000đ
-	Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Tăng cường	1.600.000.000	Năm 2025: đang thực hiện

TT	Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
	năng lực đào tạo đường sắt đô thị”		
B.	Kế hoạch DTSC chống xuống cấp và TCCSVC (nguồn từ HĐĐT và nguồn của trường) năm 2024+2025	3.214.225.000	
1	Tại Hà Nội	1.807.355.000	
-	Năm 2024	700.240.000	Đã thực hiện
-	Năm 2025	1.107.115.000	Đang thực hiện
2	Tại Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng	583.890.000	
-	Năm 2024	283.890.000	Đã thực hiện
-	Năm 2025	300.000.000	Đang thực hiện
3	Tại Phân hiệu CĐĐS phía nam	822.980.000	
-	Năm 2024	452.980.000	Đã thực hiện
-	Năm 2025	370.000.000	Đang thực hiện
	TỔNG CỘNG (A+B)	6.664.225.000	

1.9. Thi đua, khen thưởng: Phòng TC-HC

Cấp thi đua	GV dạy giỏi	CSTD	Cá nhân LĐTT	Tập thể LĐTT	HS giỏi	Tập thể HS tiên tiến
Trường		8	101	11		
Tỉnh, thành phố	1					
Bộ, Ngành						
Toàn quốc						

1.10. Thu nhập của giảng viên, người lao động (bình quân năm học)

Thu nhập bình quân của giảng viên, người lao động trong toàn trường năm 2024 và 7 tháng đầu năm 2025 cụ thể như bảng sau:

(đơn vị đồng)

TT	Khu vực	Năm 2024		7 tháng đầu năm 2025	
		Khối CB, NV phục vụ	Giảng viên	Khối CB, NV phục vụ	Giảng viên
1	Hà Nội	13.117.473	16.830.884	13.332.876	16.245.161
2	Phân hiệu Đà Nẵng	9.510.169	14.252.665	10.168.212	12.617.403
3	Phân hiệu phía Nam	8.754.749	15.423.617	7.942.963	13.597.414

2. Đánh giá chung:

2.1. Ưu điểm:

Công tác tuyển sinh đào tạo mới theo địa chỉ, đào tạo lại, chuyển đổi nghề, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và liên kết đào tạo luôn được Tổng công ty ĐSVN, các

doanh nghiệp trong và ngoài ngành Đường sắt quan tâm ủng hộ nên đã đạt được kết quả nhất định;

Các giải pháp nâng cao chất lượng tuyển sinh, đào tạo tiếp tục được quan tâm thực hiện. Năm 2025, công tác tuyển sinh đã có nhiều điểm sáng, cơ cấu tuyển sinh có sự chuyển hướng từ ngắn hạn sang dài hạn như hệ Cao đẳng tăng mạnh từ 30 lên 94 sinh viên, hệ Trung cấp và Sơ cấp tăng trưởng nhẹ. Đặc biệt, lần đầu tiên, cũng là trường đầu tiên trong cả nước tuyển sinh 175 học viên đào tạo về đường sắt điện khí hóa, đường sắt tốc độ cao.

Trong năm học vừa qua, một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo tiếp tục được quan tâm thực hiện. Công tác xây dựng chính lý chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy luôn được Trường quan tâm, triển khai quyết liệt nhất là chương trình đào tạo, tài liệu giảng dạy và học tập các nghề về đường sắt đô thị (đã nghiệm thu 02 chương trình đào tạo và nhiều giáo trình).

Công tác khoa học công nghệ đã có nhiều tiến bộ: Trường có nhiều đề tài cấp bộ, cấp ngành, các bài báo trên tạp chí cầu đường.

Năng lực của giảng viên ngày càng được nâng cao do tham gia nhiều khóa bồi dưỡng ở nước ngoài;

Thu nhập bình quân của giảng viên và nhân viên đều tăng lên đáng kể ở cả ba khu vực, cho thấy sự quan tâm của nhà trường đến đời sống người lao động để người lao động yên tâm công tác và có nhiều cống hiến hơn nữa cho công tác đào tạo của nhà trường;

2.2. Các tồn tại:

a) Về công tác tuyển sinh:

Kết quả tuyển sinh hệ chính quy dài hạn đã có những thay đổi rõ rệt nhưng một số nghề đào tạo theo đặt hàng của Tổng công ty ĐSVN chưa đạt 100% chỉ tiêu theo kế hoạch. Các nghề đào tạo cho xã hội hầu như không tuyển được.

b) Về công tác nâng cao chất lượng đào tạo; ý thức người học:

Chất lượng đào tạo tuy có sự chuyển biến nhưng vẫn còn thấp; vẫn còn tình trạng HSSV phải học lại, thi lại. Nguyên nhân một phần do chính bản thân các em chưa quyết tâm vào việc học, một phần do cách quản lý, phương pháp giảng dạy, tâm huyết nghề nghiệp của một số giảng viên vẫn thấp chưa thực sự đổi mới;

c) Đội ngũ cán bộ, giảng viên:

Về chất lượng, nhất là tay nghề của giảng viên nói chung, tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn một số giảng viên chưa đáp ứng yêu cầu công việc; tinh thần, thái độ, ý thức trong thực hiện công việc của một số giảng viên, nhân viên vẫn còn thấp.

Về trình độ năng lực và chất lượng của đội ngũ tham mưu các phòng/trung tâm tuy đã có kinh nghiệm, trình độ nhưng chất lượng tham mưu vẫn còn thấp, trong tham mưu chưa có sự đào sâu, tư duy... một số còn có tư tưởng làm cho có, ỉ lại, chờ đợi sự chỉ đạo chi tiết cụ thể từ lãnh đạo; tiến độ chậm luôn phải nhắc nhở, đôn đốc;

d) Về công tác giáo dục và quản lý HSSV vẫn còn tình trạng thiếu đồng bộ trong sự phối kết hợp của các bộ phận Phòng, Khoa, Trung tâm trong Trường trong việc giáo dục và quản lý HSSV, do đó, một bộ phận học sinh chưa tự giác trong học tập, rèn luyện, lười học.

đ) Về đầu tư, duy tu, bảo quản, khai thác cơ sở vật chất. Công tác bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học chưa tốt, do vậy nhiều thiết bị, đồ dùng dạy học bị hư hỏng không sử dụng được. Một số phòng thực hành do lưu lượng học sinh thấp, ít sử dụng nên thiếu sự quan tâm trong công tác duy tu, bảo quản dẫn đến chất lượng trang thiết bị nhanh xuống cấp, giảm tuổi thọ của thiết bị. Một số đơn vị chưa chủ động trong việc duy tu, bảo dưỡng thiết bị đồ dùng dạy học.

2.3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan:

Các ngành nghề đào tạo của Nhà trường chủ yếu cho ngành Đường sắt ít thu hút được người học do tính chất nghề nghiệp, áp lực công việc cao, thu nhập so với mặt bằng chung còn thấp,...

Cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ đào tạo của Trường mặc dù đã được tăng cường nhưng vẫn còn thiếu và một số lạc hậu, nhất là các thiết bị dạy học tiên tiến, phù hợp với công nghệ hiện đại; phòng học lý thuyết, phòng học thực hành chưa bố trí hợp lý, có thời điểm thiếu phòng học dẫn đến học sinh thường xuyên phải di chuyển địa điểm học tập, ảnh hưởng nhiều đến chất lượng dạy và học.

Về đầu vào của người học: theo quy định đầu vào học sơ cấp, trung cấp chỉ cần tốt nghiệp THCS nên người học nghề hiện nay có nhiều sự lựa chọn về nơi đào tạo, nơi làm việc. Số còn lại vào Trường có trình độ văn hóa hạn chế lại không có động lực cao, chưa yêu thích ngành nghề về đường sắt...

b) Nguyên nhân chủ quan:

Việc duy trì nội quy, kỷ luật, kỷ cương của Trường tại một số đơn vị trực thuộc chưa tốt; một số cán bộ chưa gương mẫu. Nguyên nhân chính do lãnh đạo đơn vị xuê xoa, ngại đấu tranh.

Về quản lý cấp khoa: việc quản lý vẫn còn tình trạng nể nang, “dĩ hòa vi quý”, hoặc sự chỉ đạo thiếu kiên quyết;

Về kiểm tra, giám sát: tuy đã có bộ quy trình đảm bảo chất lượng; đã có những giải pháp cụ thể trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nhưng việc áp dụng vào thực tế vẫn còn hạn chế, chưa hợp lý, lúng túng nên chất lượng đào tạo chưa thực sự chuyển biến rõ rệt;

Về quản lý, điều hành, sự phối hợp giữa các Phân hiệu, Phòng, Khoa, Trung tâm ... vẫn còn tình trạng chưa khoa học, thiếu đồng bộ...do đó, ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng đào tạo.

II. KẾ HOẠCH, PHƯƠNG HƯỚNG NĂM HỌC 2025-2026:

1. Đặc điểm tình hình:

1.1. Thuận lợi

Đảng và Nhà nước đã có nghị quyết rõ ràng về đầu tư phát triển ngành đường sắt, đặc biệt là đường sắt đô thị và đường sắt tốc độ cao. Đây là cơ hội mà ngành đường sắt nói chung và Trường Cao đẳng Đường sắt nói riêng cần nắm bắt kịp thời, là đơn vị đi tiên phong tham gia vào các phân, hợp phân của dự án;

Bên cạnh đó, Nhà trường tiếp tục nhận được sự quan tâm của các Bộ, Cơ quan Trung ương; đặc biệt là sự ủng hộ của Tổng công ty ĐSVN, sự phối kết hợp của các doanh nghiệp trong và ngoài ngành;

Trường có cơ sở đào tạo tại 3 miền, thuận tiện cho công tác triển khai, hợp tác đào tạo nguồn nhân lực trên phạm vi cả nước;

Đội ngũ giảng viên cơ bản có kiến thức tốt, đã tham gia các khóa đào tạo ở nước ngoài, thường xuyên tiếp cận thực tế sản xuất của các doanh nghiệp nên đáp ứng được các yêu cầu về giảng dạy lý thuyết, thực hành, tích hợp...

Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường có truyền thống đoàn kết, tinh thần vượt khó, làm việc trách nhiệm.

1.2. Khó khăn:

Năm học 2025-2026 dự báo là năm nhà trường tiếp tục còn gặp nhiều thách thức: với nhiệm vụ nhà trường là đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ phục vụ đào tạo nguồn nhân lực cho Đường sắt Việt Nam đáp ứng đủ khả năng tiếp thu công nghệ, quản lý vận hành đường sắt công nghệ mới, đường sắt tốc độ cao, đây là cơ hội và thách thức rất lớn đối với toàn ngành nói chung và Trường Cao đẳng Đường sắt nói riêng.

Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng do khó khăn về cơ chế, về tài chính nên nhiều dự án dù đã được cấp vốn nhưng còn vướng về quy trình thực hiện. Thiết bị phục vụ đào tạo chính của một số nghề trọng điểm (như đường sắt đô thị, đường sắt điện khí hóa...) vẫn chưa được đầu tư trang bị kịp thời.

Kỹ năng nghề của một số giảng viên vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của giai đoạn hội nhập hiện nay; đặc biệt về trình độ ngoại ngữ mặt bằng chung còn yếu ảnh hưởng lớn đến việc tiếp cận công nghệ mới.

2. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo

2.1 Nghề đào tạo:

Về đào tạo chính quy: Phân bổ hợp lý nguồn lực để nâng cao chất lượng đào tạo các nghề về chuyên ngành đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị và một số nghề cho xã hội mà nhà trường có điều kiện tổ chức đào tạo như: lái xe ô tô, điện công nghiệp, điện lạnh, cơ khí (hàn, tiện)... với hình thức tổ chức đào tạo linh hoạt.

Ưu tiên bố trí nguồn lực, từ đội ngũ giảng viên đến cơ sở vật chất để khẳng định và làm chủ công nghệ, thị trường đào tạo đường sắt tốc độ cao.

Liên thông, liên kết đào tạo hệ đại học vừa làm vừa học và sau đại học với các chuyên ngành phù hợp của Trường và các đối tác; Liên kết đào tạo với các trường ở nước ngoài để đào tạo cho đường sắt điện khí hóa, đường sắt tốc độ cao.

Đào tạo thường xuyên, BDNV tất cả các lĩnh vực phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng của Trường cho mọi đối tượng trong và ngoài ngành.

2.2. Quy mô học viên năm học 2025-2026

Dự kiến số lượng học viên năm học 2025-2026 (Bao gồm cả số lượng đang đào tạo của năm học 2024-2025 chuyển sang và tuyển mới trong năm học 2025-2026):

Trình độ đào tạo	Các khu vực			Toàn trường
	Hà Nội	Đà Nẵng	Phía Nam	
I. SỐ LƯỢNG ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2024-2025 CHUYỂN SANG	509	276	373	1158
1. Cao đẳng	0	79	32	111
2. Trung cấp (gồm cả liên thông từ sơ cấp lên trung cấp)	151	34	93	278
3. Sơ cấp (chưa gồm lái xe nâng)	97	126	98	321
4. Bồi dưỡng nghiệp vụ	19	0	0	19
5. Liên kết đào tạo	242	37	150	429
II. KẾ HOẠCH TUYỂN MỚI NĂM HỌC 2025-2026	7518	2775	6136	16429
1. Cao đẳng	125	40	-	165
2. Trung cấp (gồm cả liên thông từ sơ cấp lên trung cấp)	300	245	200	745
3. Sơ cấp	360	160	180	700
4. Bồi dưỡng nghiệp vụ	1800	50	180	2030
5. Huấn luyện An toàn VSLĐ	4768	2280	4010	11058
6. Liên kết đào tạo	150	0	0	150
7. Lái xe ô tô, lái xe nâng	15	0	1566	1581
TỔNG CỘNG (I + II)	8027	3051	6509	17587

3. Cán bộ, giảng viên và nhân viên năm học 2025-2026

Tổng số cán bộ, giảng viên, nhân viên (kể cả hợp đồng khoán việc) là 165 người trong đó: Lãnh đạo 04 người, cán bộ phòng, khoa: 38 người; giảng viên/giáo viên: 56 người; nhân viên: 67 người;

Hầu hết lãnh đạo, cán bộ phòng, khoa đạt chuẩn về trình độ đào tạo, có 100% đội ngũ giảng viên có trình độ Đại học trở lên và đạt chuẩn về trình độ sư phạm;

Về trình độ tin học, ngoại ngữ: 100% giảng viên/giáo viên đạt trình độ ngoại ngữ trình độ B trở lên. Tuy nhiên, cần bổ sung trình độ ngoại ngữ, chuyên môn để đáp ứng trong thời đại mới.

Cụ thể như sau:

Cơ cấu trình độ theo chức danh công tác năm học 2024-2025

Chức danh	Tổng số	Trình độ chuyên môn					Trình độ sư phạm			Tỷ lệ đạt tiêu chuẩn (%)
		Trên ĐH	ĐH	CD	TH	CN, PT	SPN	Tin học	NN	
1. Ban Giám hiệu, CT HĐT	4	4					4	4	4	100
2. Cán bộ Phòng, Khoa	38	30	8				36	36	38	100
3. Giảng viên	56	30	26				56	56	56	100
4. Nhân viên	67	4	31	1	6	25	8	16	19	100
Cộng	165	68	65	1	6	25	104	112	117	

Cơ cấu trình độ cán bộ, giảng viên năm học 2024-2025

Chức danh	Tổng số	Trình độ chuyên môn					SP	Tin học	NN	KNNQG/ bậc thợ	Tỷ lệ đạt tiêu chuẩn (%)
		TS	Thạc sỹ	ĐH	CD	TH					
Lãnh đạo (là giảng viên)	4	2	2				4	4	4	1	100
Khoa VT-KT	6		4	2			6	6	6	6	100
Khoa CT-CK	7		4	3			7	7	7	6	100
Khoa ĐM-TX	7		7				7	7	7	7	100
Khoa TTTH-Điện	5		4	1			5	5	5	5	100
Khoa Cơ bản	4		2	2			4	4	4		100
Phòng Đào tạo	3		3				3	3	3	1	100
Phòng Kiểm định CLĐT	2		1	1			2	2	2	1	100
Phòng CT HSSV	4		1	3			4	4	4		100
Phòng QLTB&XD CB	1			1			1	1	1	1	100
Phòng TC-HC	1		1				1	1	1	1	100
Phòng TC-KT	1		1				1	1	1		100
Trung tâm tư vấn DGNN	1		1				1	1	1		100
Trung tâm NC&CG KHCN	4		4				4	4	4	4	100

Chức danh	Tổng số	Trình độ chuyên môn					SP	Tin học	NN	KNNQG/ bậc thợ	Tỷ lệ đạt tiêu chuẩn (%)
		TS	Thạc sỹ	ĐH	CD	TH					
Chuyên gia	2	2					2	2	2		100
Phân hiệu Đà Nẵng	14		7	7			14	14	14	6	100
Phân hiệu phía Nam	28		18	10			28	28	28	14	100
Cộng	94	4	60	30	0	0	94	94	94	53	

Số lượng cán bộ, giảng viên đang học tập, nghiên cứu

TT	Đơn vị	NCS	Cao học	Chính trị
1	Trụ sở chính		3	
2	Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng		3	
3	Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Phía Nam			
Tổng số			6	

Đánh giá chung:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên cơ bản đã được chuẩn hoá theo quy định, sử dụng thành thạo máy tính trong công tác giảng dạy và chuyên môn nghiệp vụ. Đa số giảng viên tâm huyết với nghề, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp... Tuy nhiên, số giảng viên có khả năng sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và thực hành nhiệm vụ còn hạn chế. Số lượng giảng viên cơ hữu chưa cân đối so với quy mô đào tạo và với tổng số cán bộ, giảng viên, nhân viên toàn trường. Trình độ chuyên môn chưa thực sự đồng đều, chưa có nhiều giảng viên có thành tích tốt về nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

4. Cơ sở vật chất:

Các thiết bị phục vụ làm việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu cho thực hiện công việc. Các thiết bị trực tiếp phục vụ đào tạo, mặc dù đã nhận được nhiều sự quan tâm, đầu tư của cấp trên và nội lực của Nhà trường song về cơ bản vẫn còn thiếu cục bộ;

Giáo trình, tài liệu giảng dạy cho các môn học, mô đun của các nghề đang đào tạo còn thiếu. Thư viện nhà trường chưa đủ diện tích, đầu sách giáo trình còn hạn hẹp,...

5. Mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu năm học 2025-2026:

5.1. Mục tiêu năm học 2025-2026

Để ổn định việc làm và đảm bảo thu nhập, đồng thời tiếp tục thực hiện tăng trưởng theo nghị quyết Đảng bộ Trường và hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao. Kế thừa, phát huy các thành tích đã đạt được, khắc phục những tồn tại, yếu kém của các năm trước, năm học 2025-2026 nhà trường xác định mục tiêu trọng điểm như sau:

“Duy trì sự ổn định, đoàn kết, không ngừng đổi mới chương trình, giáo trình đào tạo; nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên; đáp ứng mọi nhu cầu đào tạo về Đường sắt hiện hữu, Đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị và đào tạo theo nhu cầu của xã hội; Tăng số lượng và chất lượng các đề tài nghiên cứu khoa học, mở rộng đối tác trong và ngoài nước. Đảm bảo đủ việc làm, ổn định thu nhập và tăng trưởng từ 8% trở lên”

5.2. Các chỉ tiêu chính năm học 2025-2026

a) Về đào tạo:

- Tuyển sinh đào tạo theo địa chỉ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, ATVSLĐ và đào tạo cho xã hội đạt trên 85% theo đặt hàng của doanh nghiệp. Tham gia tốt công tác đào tạo nhân lực cho các dự án ĐSDT tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, Hợp tác, liên kết và tham gia đào tạo nguồn nhân lực cho các dự án đường sắt tốc độ cao.

- Chất lượng đào tạo: HSSV tốt nghiệp lần đầu đạt từ 90% trở lên trong đó khá giỏi từ 30% trở lên. Kết quả rèn luyện loại khá từ 70% trở lên, loại yếu kém dưới 5%. Tỷ lệ HSSV bị kỷ luật dưới 5%.

- 100% giảng viên lên lớp chuẩn bị đầy đủ hồ sơ bài giảng theo quy định; giảng dạy theo nội dung, chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo, các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo đã ban hành;

- Xây dựng quy định và thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo hình thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

- Thực hiện đúng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng. Tăng cường thường xuyên công tác kiểm tra giám sát việc giảng dạy và học tập của giảng viên, học viên.

- Tổ chức tự kiểm định Trường theo quy định và theo kế hoạch đã lập, đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch năm học 2025-2026;

- Triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường và nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam nhiệm kỳ 2025-2030;

- Tăng cường tuyển sinh liên kết đào tạo Đại học và sau Đại học....;

- Liên kết đào tạo có chiều sâu với các trường ở nước ngoài để đào tạo đường sắt điện khí hóa, đường sắt tốc độ cao

b) Xây dựng chương trình, giáo trình

- 100% các chương trình đào tạo được rà soát, chỉnh lý kịp thời. Xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng tốt các đơn đặt hàng của các doanh nghiệp. Rà soát, tổ chức biên soạn mới, chỉnh lý giáo trình theo yêu cầu của doanh nghiệp, người học;

c) Công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế:

- Tìm kiếm và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học gắn liền với sản xuất, kết hợp vừa nâng cao chất lượng đào tạo với làm dịch vụ KHCN; Chính sửa quy định về công tác nghiên cứu khoa học phù hợp với điều kiện thực tế của trường;

- Thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ, cấp ngành, khuyến khích, động viên người lao động thực hiện đề tài NCKH cấp trường, cấp Tổng công ty, cấp Bộ cho các năm tiếp theo.

c) Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đào tạo:

- Tiếp tục tạo điều kiện, động viên các giảng viên thường xuyên học tập nâng cao trình độ để đạt chuẩn của giảng viên đã ban hành tại Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTBXH, ngày 10 tháng 5 năm 2024 Quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Ưu tiên cho đào tạo ngoại ngữ và đào tạo thạc sỹ, tiến sĩ các chuyên ngành về đường sắt;

- Tiếp tục tạo điều kiện, động viên các giảng viên thường xuyên học tập nâng cao trình độ để đạt chuẩn của giảng viên. Ưu tiên cho đào tạo ngoại ngữ và đào tạo tiến sĩ các chuyên ngành về đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị;

- Thường xuyên, luân phiên đưa các giảng viên đi thực tế tại các doanh nghiệp với thời gian tối thiểu 04 tuần/năm/1 giảng viên (theo quyết định 950/QĐ-CĐDS ngày 28/10/2022 của Hiệu trưởng).

d) Tăng cường cơ sở vật chất thiết bị dạy học:

- Các thiết bị phục vụ đào tạo được quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên theo quy định; Tiếp tục tìm kiếm, huy động các nguồn để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

- Đảm bảo thực hiện đúng tiến độ, đạt chất lượng các dự án đầu tư theo kế hoạch.

e) Thi đua:

Chỉ tiêu tổng hợp các danh hiệu thi đua:

Cấp	NG giỏi, CSTĐ	Cá nhân LĐTT	Tập thể LĐTT
Trường	9	85	9
TP, Bộ, TCTy	1		1

Không có cán bộ, giảng viên vi phạm kỷ luật;

5.3. Những nhiệm vụ và giải pháp chính:

a) Nhiệm vụ:

- Về đào tạo:

Tiếp tục thực hiện phương châm của Trường là “***Đào tạo đáp ứng mọi yêu cầu của người học hoặc doanh nghiệp cần***”. Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường đáp ứng nhu cầu sản xuất của các

doanh nghiệp. Tổ chức đào tạo theo đúng quy định và linh hoạt trong việc thực hiện kế hoạch đào tạo.

+ Về tuyển sinh;

Tăng cường công tác truyền thông về trường, về ngành ĐSVN; Cung cấp kịp thời các thông tin về chương trình, nội dung đào tạo, về triển vọng việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp đến người học. Nắm bắt kịp thời thông tin về nhu cầu đào tạo, thông tin về chất lượng học sinh sau khi ra trường

Tìm mọi giải pháp để tuyển sinh đạt chỉ tiêu và kế hoạch đề ra. Thực hiện tuyển sinh theo đúng quy định; linh hoạt và thường xuyên trong năm.

Tuyển sinh và tổ chức đào tạo các chức danh: Lái tàu điện; Điều hành đường sắt đô thị,... theo nhu cầu của các nhà đầu tư, nhà thầu về Đường sắt đô thị tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

Liên kết và tiến tới chủ động đào tạo đường sắt điện khí hóa, đường sắt tốc độ cao.

+ Chương trình, giáo trình: Tiếp tục tổ chức biên soạn, hiệu chỉnh chương trình, giáo trình đào tạo. Xây dựng mới các chương trình đào tạo theo đơn đặt hàng đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp.

+ Công tác thi, kiểm tra thực hiện theo đúng quy định, giảm bớt hình thức thi viết thay vào đó là hình thức thi trắc nghiệm, vấn đáp... Đề thi, kiểm tra đảm bảo về số lượng, chất lượng, nội dung phủ kín kiến thức trong chương trình giảng dạy;

+ Công tác giám sát, kiểm tra; Bám sát quy trình, công cụ đảm bảo chất lượng đã ban hành thường xuyên kiểm tra, giám sát việc giảng dạy của giảng viên, việc học của HSSV; giờ giấc làm việc của CB, GV, NV;

- Về quản lý giáo dục HSSV: Thường xuyên quan tâm và làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong HSSV; duy trì họp lớp hàng tuần dưới sự chủ trì của giáo viên chủ nhiệm; thực hiện giao ban chào cờ sáng thứ hai hàng tuần. Duy trì tổ chức thi học sinh giỏi, hàng tháng xét kết quả xếp loại thi đua của lớp học;

- Về phục vụ:

+ Xây dựng cơ chế đãi ngộ với giảng viên giỏi để mời giảng viên, chuyên gia trong và ngoài ngành cộng tác giảng dạy với trường;

+ Tiếp tục tinh giảm sắp xếp, cơ cấu lại lao động theo hướng giảm dần, ưu tiên ổn định giảng viên cơ hữu chuyên ngành Đường sắt. Hợp đồng khoán việc, hợp đồng thời vụ...;

+ Công tác cán bộ; nâng cao năng lực, trình độ giảng viên, cán bộ quản lý:

Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu đào tạo,...; nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường, đặc biệt các nghề liên quan trực tiếp phục vụ chạy tàu và các nghề về đường sắt tốc độ cao, ĐSDT;

Thực hiện quy hoạch bổ sung cán bộ lãnh đạo cấp trường, lãnh đạo các đơn vị. Thường xuyên bồi dưỡng cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên có đủ trình độ, nghiệp vụ trong lĩnh vực được phân công đảm nhiệm.

+ Công tác tăng cường cơ sở vật chất: Tập trung khai thác triệt để cơ sở vật chất để tăng nguồn thu cho Trường.

- Công tác khác: An ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, cảnh quan. Luôn đảm bảo tốt công tác phòng chống cháy nổ, y tế, vệ sinh môi trường xanh - sạch - đẹp;

b) Các giải pháp:

Căn cứ vào nhu cầu đào tạo mới, đào tạo lại, BDNV... của Tổng công ty ĐSVN, các doanh nghiệp trong và ngoài ngành, phòng Đào tạo và Trung tâm tư vấn GDNN, trung tâm KHCN tham mưu cho Hiệu trưởng phương án tuyển sinh, phương án tuyển sinh phải đảm bảo tính linh hoạt và thực hiện xuyên suốt trong năm học;

Thực hiện đồng bộ và thường xuyên công tác truyền thông về ngành ĐSVN, và về Trường, các ngành nghề đào tạo, cơ hội việc làm... thông qua các kênh phát thanh, truyền hình, các doanh nghiệp, trang web của trường, mạng xã hội zalo, facebook, học sinh sinh viên đang theo học tại trường...;

Liên tục làm mới công tác tuyển sinh cho phù hợp với tình hình thực tế. Cung cấp kịp thời các thông tin về chương trình, nội dung đào tạo, về triển vọng việc làm, thu nhập sau khi tốt nghiệp đến người học;

Thực hiện tuyển sinh đào tạo theo địa chỉ, làm việc với các doanh nghiệp trong và ngoài ngành tiếp nhận học sinh sinh viên tốt nghiệp ra trường về làm việc tại các doanh nghiệp

Duy trì, mở rộng tuyển sinh và tổ chức đào tạo du học vừa học vừa làm các nước Đức, Nhật Bản,...

Bám sát nhu cầu đào tạo của các doanh nghiệp, thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp trong và ngoài ngành trong công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo cho xã hội (ngoại ngữ, tin học, lái xe ô tô, lái xe nâng hàng ...) giữ vững thị trường đào tạo truyền thống;

Luân phiên cử giảng viên đi bồi dưỡng ở nước ngoài, đi thực tế tại các doanh nghiệp đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, trực tiếp tham gia sản xuất rèn luyện kỹ năng nghề.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện nề nếp giảng dạy, thực hiện nội quy, quy chế của cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Nhà trường;

Điều hành thực hiện linh hoạt tiến độ đào tạo, ưu tiên các lớp học tại hiện trường cho doanh nghiệp ngoài;

Cập nhật kịp thời những nội dung mới để chỉnh lý, biên soạn chương trình đào tạo, chương trình môn học, tài liệu giảng dạy phù hợp với thực tế sản xuất

Quản lý, sắp xếp khai thác hiệu quả cơ sở vật chất hiện có. Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ liên kết đào tạo.

Quản lý, giáo dục HSSV cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa phòng Công tác HSSV, Giáo viên chủ nhiệm, giảng viên bộ môn trực tiếp giảng dạy;

Tăng cường công tác an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, cảnh quan sư phạm nhất là vệ sinh trong phòng học, hành lang khu giảng đường. Đảm bảo an toàn vệ sinh chung trong toàn trường;

Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ phận, các đơn vị trong toàn Trường trong việc triển khai, thực hiện kế hoạch năm học 2025-2026.

III. KẾ HOẠCH CHI TIẾT:

1. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho học sinh: (Phụ lục 1).
2. Kế hoạch thi nhà giáo dạy giỏi 2025-2026 (Phụ lục 2).
3. Đào tạo bồi dưỡng Cán bộ, giảng viên, nhân viên: (Phụ lục 3).
4. Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất: (Phụ lục 4).

Nơi nhận:

- Tổng công ty ĐSVN (đề b/c);
- Các Sở GDĐT (đề b/c);
- Đảng ủy, Ban giám hiệu, HĐT (ch/đạo);
- Công đoàn, ĐTN (Ph/hợp);
- Các đơn vị trực thuộc Trường (th/hiện);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trương Trọng Vương

Phụ lục 1: Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức năm học 2025-2026

Thời gian Từ ... đến ...	Nội dung công việc	Phân công trách nhiệm
8/2025- 7/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyển sinh liên tục trong năm học, Học tập chính trị đầu khoá; - Ổn định tổ chức lớp, tổ chức Đoàn các lớp; - Xây dựng kế hoạch hoạt động ngoại khoá về giáo dục thể chất trong năm học cho các lớp; - Giáo dục ý thức giữ gìn môi trường, ý thức xây dựng nếp sống văn minh ký túc xá; Văn hóa học đường; văn hóa giao tiếp; - Giáo dục về ý thức an toàn giao thông; 	<ul style="list-style-type: none"> - BGH - Các Phân hiệu - Trung tâm TV, Phòng ĐT, Trung tâm KHCN - Phòng quản lý HSSV - Khoa chuyên môn - Giảng viên - BCH đoàn TN - Chi đoàn các lớp học
01/2025 – 11/2025	Các hoạt động chào mừng kỷ niệm 70 năm thành lập Trường	Toàn trường
11/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20-11 - Hội thao (cán bộ, giảng viên, nhân viên; thể thao, văn nghệ trong khối HSSV) 	<ul style="list-style-type: none"> - Ban Giám hiệu - Cán bộ, GV, nhân viên - Học sinh, sinh viên
01/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền công tác từ thiện, phòng chống tệ nạn xã hội - Thi tìm hiểu an toàn giao thông 	<ul style="list-style-type: none"> - Các Phân hiệu - Phòng Công tác HSSV - GVCN lớp, HSSV
02/2026 - 03/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Hưởng ứng Tết trồng cây; - Hoạt động chào mừng ngày thành lập Đảng 3-2 và thành lập Đoàn 26-3: Thi đấu thể thao, văn hóa, văn nghệ, tham quan, dã ngoại đoàn viên thanh niên. 	<ul style="list-style-type: none"> - BCH Đảng ủy - Phó Hiệu trưởng - Bí Thư Đoàn - Phòng Công tác HSSV - Phòng ĐT - Các khoa - Các lớp học
4/2026 - 5/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động với chủ đề: Học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ... - Kỷ niệm sinh nhật Bác 	<ul style="list-style-type: none"> - BCH Đảng ủy - Phó Hiệu trưởng - Phòng Công tác HSSV - Giảng viên CN
6/2026- 7/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày môi trường thế giới; - Nghỉ hè 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Công tác HSSV - Đoàn TN - Giảng viên
8/2026	Tổng kết năm học	Toàn trường

Phụ lục 2: Kế hoạch thi nhà giáo dạy giỏi 2025-2026

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng tham gia	Phân công trách nhiệm
I	Thi giảng viên dạy giỏi			
1	Tổ chức dự giờ đánh giá cấp Khoa (Giai đoạn 1)	8/2025-9/2025	GV các Khoa, Các phân hiệu	- Phó Hiệu trưởng, Giám đốc Phân hiệu - Phòng ĐT - Trưởng Khoa
2	Thi giảng viên dạy giỏi cấp Trường (Giai đoạn 2)	10/2025	GV đạt giải cấp Khoa, Trung tâm	- Hiệu trưởng - Phó Hiệu trưởng, - Trưởng phòng ĐT - Trưởng Khoa
3	Tham gia dự thi giảng viên dạy giỏi cấp thành phố, Bộ ngành (nếu có)	Sau tháng 10/2025	Lựa chọn 2-3 giảng viên	- Hiệu trưởng - Phó Hiệu trưởng - Trưởng phòng ĐT - Trưởng Khoa

Phụ lục 3: Đào tạo bồi dưỡng Cán bộ, nhà giáo, nhân viên:

Số TT	Yêu cầu Đào tạo	Kế hoạch	Ngành nghề bậc học
I	Bồi dưỡng trong nước:		
1	Nâng cao trình độ chuyên môn:	1	Tiến sỹ chuyên ngành ĐS
		6	ThS chuyên ngành ĐS
2	Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	3	Nghiệp vụ sư phạm, chuyên môn.
3	Nâng cao trình độ lý luận chính trị	1	Cao cấp
4	Nâng cao trình độ Ngoại ngữ	3	Giao tiếp, nâng cao
II	Bồi dưỡng tại nước ngoài:	10	Đường sắt đô thị, Đường sắt tốc độ cao, Công nghệ mới; Học tập, trao đổi kinh nghiệm

Phụ lục 4: Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất năm học 2025-2026*DVT: đồng*

TT	Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
A.	Vốn đầu tư phát triển năm 2025 của công ty mẹ-TCT ĐSVN	2.000.000.000	Dự kiến
1	Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Tăng cường năng lực đào tạo đường sắt đô thị”	2.000.000.000	Dự kiến
B.	Kế hoạch DTSC chống xuống cấp và TCCSVC (Nguồn từ HĐĐT và nguồn của trường)	1.500.000.000	Dự kiến
1	Tại Hà Nội	750.000.000	Dự kiến
2	Tại Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng	300.000.000	Dự kiến
3	Tại Phân hiệu CĐĐS phía Nam	450.000.000	Dự kiến
	TỔNG CỘNG (A+B)	3.500.000.000	Dự kiến

Phụ lục 5: Chỉ tiêu năm học 2025-2026

STT	Nội dung chỉ tiêu
I	<i>Nhóm chỉ tiêu về đào tạo</i>
1	Tuyển sinh đào tạo theo địa chỉ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, ATVSLĐ, đào tạo cho xã hội và phối hợp tuyển sinh đào tạo Đại học và sau Đại học đạt trên 85% theo đặt hàng của doanh nghiệp.
2	Chất lượng đào tạo: - HSSV tốt nghiệp lần đầu đạt từ 90% trở lên trong đó khá giỏi từ 30% trở lên; - Kết quả rèn luyện loại khá từ 70% trở lên, loại yếu kém dưới 5%. Tỷ lệ HSSV bị kỷ luật dưới 5%.
3	100% giảng viên lên lớp chuẩn bị đầy đủ hồ sơ bài giảng theo quy định; giảng dạy theo nội dung, chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo, các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo đã ban hành;
4	Liên kết và tiến tới chủ động đào tạo (Xây dựng CTĐT, giáo trình; đăng kí bổ sung hoạt động GDNN; tuyển sinh, đào tạo) đường sắt điện khí hóa, đường sắt tốc độ cao.
5	Thực hiện đúng quy trình, công cụ bảo đảm CL; Tăng cường thường xuyên công tác kiểm tra giám sát việc giảng dạy và học tập của GV, HSSV
6	Tổ chức tự kiểm định Trường theo quy định và theo kế hoạch đã lập, đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch năm học 2025-2026.
7	Ổn định việc làm và tăng lương từ 8% trở lên.
II	<i>Chỉ tiêu về xây dựng chương trình, giáo trình</i>
8	100% các chương trình đào tạo được rà soát, chỉnh lý kịp thời. Xây dựng kịp thời các chương trình đào tạo theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp
9	Rà soát, biên soạn, chỉnh lý giáo trình, tài liệu học tập đảm bảo 100% các môn học, mô đun có đủ giáo trình, tài liệu học tập đáp ứng yêu cầu của DN, người học
III	<i>Chỉ tiêu về công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế</i>
10	Thực hiện các đề tài NCKH gắn liền với sản xuất, kết hợp vừa nâng cao chất lượng đào tạo với làm dịch vụ KH-CN, phấn đấu tối thiểu có 02 bài báo hoặc 02 đề tài cấp ngành trở lên.
IV	<i>Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đào tạo</i>
12	70% giảng viên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ
13	100% giảng viên tham gia học tập thực tế tại doanh nghiệp
V	<i>Tăng cường cơ sở vật chất thiết bị dạy học</i>
14	Các thiết bị phục vụ đào tạo được quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên theo quy định; Tiếp tục tìm kiếm, huy động các nguồn để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học
VI	<i>Thi đua, khen thưởng</i>

STT	Nội dung chỉ tiêu
15	Không có cán bộ, giảng viên vi phạm kỷ luật
16	Có tập thể LĐTT, cá nhân CSTĐ đạt cấp TCT